TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 – ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 33/2025/QĐST-DS	*Đồng Tháp, ngày 26 tháng 9 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 10 tháng 9 năm 2025 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 495/2023/TLST-DS ngày 23 tháng 11 năm 2023.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành và có ý kiến đồng ý bằng văn bản đối với biên bản hòa giải thành của chị Nguyễn Thị K, anh Nguyễn Thế H, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1962; Địa chỉ: Ấp G, xã M, tỉnh Đồng Tháp (Trước đây là: Ấp G, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang).

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Anh Trần Đăng K1, sinh năm 1996; Địa chỉ: Ấp M, xã T, tỉnh Đồng Tháp (Trước đây là: Ấp M, xã M, thị xã C, tỉnh Tiền Giang). Theo văn bản ủy quyền lập ngày 25-9-2023.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn K2, sinh năm 2001; Địa chỉ: Ấp G, xã M, tỉnh Đồng Tháp (Trước đây là: Ấp G, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang).

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc H1, sinh năm 1977; Địa chỉ: Số A P, phường Đ, tỉnh Đồng Tháp (Trước đây là: Số A P, Phường E, thành phố M, tỉnh Tiền Giang); Theo văn bản ủy quyền lập ngày 11-12-2023.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

+ Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1966; Địa chỉ: Ấp B, xã T, tỉnh Đồng Tháp (Trước đây là: Ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang).

Người đại diện theo ủy quyền của bà T: Bà Nguyễn Thị Ngọc H1, sinh năm 1977; Địa chỉ: Số A P, phường Đ, tỉnh Đồng Tháp (Trước đây là: Số A P, Phường E, thành phố M, tỉnh Tiền Giang); Theo văn bản ủy quyền lập ngày 11-12-2023.

+ Bà Đoàn Thị K3, sinh năm 1978;

+ Chị Nguyễn Thị K, sinh năm 2000;

+ Cháu Nguyễn Anh N, sinh năm 2015;

+ Cháu Nguyễn Lan A, sinh năm 2015;

Đại diện theo pháp luật của cháu N, cháu A: Bà Đoàn Thị K3, sinh năm 1978;

Cùng địa chỉ: Ấp G, xã M, tỉnh Đồng Tháp (Trước đây là: Ấp G, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang).

+ Bà Nguyễn Thị Thu H2, sinh năm 1977;

+ Anh Nguyễn Thế H, sinh năm 1996;

+ Anh Nguyễn Thế V, sinh năm 2001;

Cùng địa chỉ: Ấp B, xã Đ, tỉnh Đồng Tháp (Trước đây là: Ấp B, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang).

Người đại diện theo ủy quyền của bà H2: Bà Nguyễn Thị Ngọc H1, sinh năm 1977; Địa chỉ: Số A P, phường Đ, tỉnh Đồng Tháp (Trước đây là: Số A P, Phường E, thành phố M, tỉnh Tiền Giang); Theo văn bản ủy quyền lập ngày 11-12-2023.

+ Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1956; Địa chỉ: Ấp P, xã L, tỉnh Đồng Tháp (Trước đây là: Ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang).

+ Bà Nguyễn Thị T2, sinh năm 1958; Địa chỉ: Ấp G, xã M, tỉnh Đồng Tháp (Trước đây là: Ấp G, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang).

+ Ông Nguyễn Văn M1, sinh năm 1972; Địa chỉ: Ấp G, xã M, tỉnh Đồng Tháp (Trước đây là: Ấp G, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang).

Người đại diện theo ủy quyền của bà T2, bà T1, ông M1: Chị Phạm Như T3, sinh năm 1987; Địa chỉ: Số B, ấp T, phường M, tỉnh Đồng Tháp (Trước đây là: Số B, ấp T, xã T, thành phố M, tỉnh Tiền Giang).

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Bà Nguyễn Thị M, anh Nguyễn Văn K2, bà Nguyễn Thị T, bà Đoàn Thị K3, chị Nguyễn Thị K, bà Nguyễn Thị Thu H2, anh Nguyễn Thế H, anh Nguyễn Thế V, bà Nguyễn Thị T1, bà Nguyễn Thị T2, ông Nguyễn Văn M1 thống nhất phân chia di sản thừa kế như sau:

2.1.1. Chia cho anh Nguyễn Văn K2 phần đất và căn nhà cùng toàn bộ tài sản có trên thửa đất 66, tờ bản đồ 56 (Trước đây là tờ bản đồ 23) có diện tích đo

đạc thực tế là 2.701,4m^2 (Trong đó có 300m^2 đất ở tại nông thôn, phần còn lại là đất trồng cây lâu năm) theo Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 17-6-2024 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C, tỉnh Tiền Giang (Nay là Chi nhánh Văn phòng Đ, tỉnh Đồng Tháp). Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số "H"07381 ngày 21-11-2008 của Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp cho hộ ông Nguyễn Văn C. Đất tại ấp F, xã T, tỉnh Đồng Tháp (Trước đây là ấp F, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang). Thửa đất có tứ cận như sau:

+ Phía Đông giáp: Phần còn lại của thửa 66;

+ Phía Tây giáp: Đường bê tông;

+ Phía Nam giáp: Thửa đất số 65;

+ Phía Bắc giáp: Thửa đất số 81, 82.

Có sơ đồ kèm theo.

2.1.2. Chia cho bà Nguyễn Thị Thu H2, anh Nguyễn Thế H, Nguyễn Thế V (Là vợ con của ông Nguyễn Văn H3) phần đất có diện tích 4.000m^2 (Đất chuyên trồng lúa nước) thuộc một phần của thửa đất số 1192, tờ bản đồ số 83 được ký hiệu tại vị trí số 2 trên Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 16-9-2025 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai khu vực VIII, tỉnh Đồng Tháp. Là một phần của thửa đất số 2124 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01446QSDĐ/1/115 ngày 01-7-1997 của Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho ông Nguyễn Văn C. Đất tại ấp C, xã M, tỉnh Đồng Tháp (Trước đây là ấp C, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang). Phần đất có tứ cận như sau:

+ Phía Đông giáp: Phần còn lại của thửa 1192;

+ Phía Tây giáp: Thửa đất số 1154;

+ Phía Nam giáp: Đường đất;

+ Phía Bắc giáp: Phần còn lại của thửa 1192.

Có sơ đồ kèm theo.

2.1.3. Chia cho bà Nguyễn Thị T các phần đất gồm:

- Thửa đất số 1156, tờ bản đồ số 13 (Nay là tờ bản đồ số 83) có diện tích đo đạc thực tế là 1.663,2m^2 (Đất chuyên trồng lúa nước) theo Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 21-6-2024 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C, tỉnh Tiền Giang (Nay là Chi nhánh Văn phòng Đ, tỉnh Đồng Tháp). Là một phần của thửa đất số 2121 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01446QSDĐ/1/115 ngày 01-7-1997 của Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho ông Nguyễn Văn C. Đất tại ấp C, xã M, tỉnh Đồng Tháp (Trước đây là ấp C, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang). Có tứ cận:

+ Phía Đông giáp: Thửa đất số 1155;

+ Phía Tây giáp: Thửa đất số 1157;

+ Phía Nam giáp: Đường đất;

+ Phía Bắc giáp: Thửa đất số 1145.

- Phần đất 509,2m^2 (Đất chuyên trồng lúa nước), tờ bản đồ số 83 (Trước đây là tờ bản đồ 13) là một phần của thửa đất số 1155, được ký hiệu tại vị trí số 1 trên Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 16-9-2025 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai khu vực VIII, tỉnh Đồng Tháp. Là một phần của thửa đất số 2121 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01446QSDĐ/1/115 ngày 01-7-1997 của Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp cho ông Nguyễn Văn C. Đất tại ấp C, xã M, tỉnh Đồng Tháp (Trước đây là ấp C, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang). Có tứ cận như sau:

+ Phía Đông giáp: Phần còn lại của thửa đất số 1155;

+ Phía Tây giáp: Thửa đất số 1156, 1145;

+ Phía Nam giáp: Đường đất;

+ Phía Bắc giáp: Phần còn lại của thửa đất số 1155.

Có sơ đồ kèm theo.

2.1.4. Chia cho bà Nguyễn Thị T2 các phần đất như sau:

- Một phần của thửa đất số 4, 5, tờ bản đồ số 5, có diện tích thực tế 2.217m^2 (Đất chuyên trồng lúa nước) theo Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 26-6-2024 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C, tỉnh Tiền Giang (Nay là Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai khu vực VIII, tỉnh Đồng Tháp. Là một phần của thửa đất 2149 và 2150 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01847 ngày 15-5-2002 của Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp cho hộ ông Nguyễn Văn C; thửa 2150 sau đó được Ủy ban nhân dân huyện C cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số "H"04375 ngày 07-7-2005 cho hộ ông C. Đất tại ấp G, xã M, tỉnh Đồng Tháp (Trước đây là ấp G, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang). Phần đất có tứ cận:

+ Phía Đông giáp: Thửa đất số 51;

+ Phía Tây giáp: Phần còn lại của thửa đất số 4, 5;

+ Phía Nam giáp: Thửa đất số 3;

+ Phía Bắc giáp: Đường đá.

- Phần đất có diện tích 1.833,2m^2 tại thửa 1155, tờ bản đồ số 83 (Đất chuyên trồng lúa nước), được ký hiệu tại vị trí số 5 trên Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 16-9-2025 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai khu vực VIII, tỉnh Đồng Tháp. Là một phần của thửa đất số 2121 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01446QSDĐ/1/115 ngày 01-7-1997 của Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp cho ông Nguyễn Văn C. Đất tại

ấp C, xã M, tỉnh Đồng Tháp (Trước đây là ấp C, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang). Có tứ cận như sau:

+ Phía Đông giáp: Mương nước; thửa đất số 1239, 1146;

+ Phía Tây giáp: Phần còn lại của thửa đất số 1155;

+ Phía Nam giáp: Đường đất;

+ Phía Bắc giáp: Thửa đất số 1073.

Có sơ đồ kèm theo.

2.1.5. Chia cho ông Nguyễn Văn M1 các phần đất như sau:

- Một phần của thửa đất số 4, 5 có diện tích thực tế 1.124,6m^2, tờ bản đồ số 5 (Đất chuyên trồng lúa nước) theo Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 26-6-2024 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C, tỉnh Tiền Giang (Nay là Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai khu vực VIII, tỉnh Đồng Tháp. Là một phần của thửa đất 2149 và 2150 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01847 ngày 15-5-2002 của Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp cho hộ ông Nguyễn Văn C; thửa 2150 sau đó được Ủy ban nhân dân huyện C cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số "H"04375 ngày 07-7-2005 cho hộ ông C. Đất tại ấp G, xã M, tỉnh Đồng Tháp (Trước đây là ấp G, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang). Phần đất có tứ cận:

+ Phía Đông giáp: Phần còn lại của thửa đất số 4, 5;

+ Phía Tây giáp: Thửa đất số 1153;

+ Phía Nam giáp: Thửa đất số 3;

+ Phía Bắc giáp: Đường đá.

Có sơ đồ kèm theo.

- Phần đất có diện tích 1.933,7m^2 đất (Đất chuyên trồng lúa nước) tại thửa 1155, tờ bản đồ số 83, được ký hiệu tại vị trí số 4 trên Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 16-9-2025 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai khu vực VIII, tỉnh Đồng Tháp. Là một phần của thửa đất số 2121 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01446QSDĐ/1/115 ngày 01-7-1997 của Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp cho ông Nguyễn Văn C. Đất tại ấp C, xã M, tỉnh Đồng Tháp (Trước đây là ấp C, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang). Có tứ cận như sau:

+ Phía Đông giáp: Phần còn lại của thửa đất số 1155;

+ Phía Tây giáp: Phần còn lại của thửa đất số 1155;

+ Phía Nam giáp: Đường đất;

+ Phía Bắc giáp: Thửa đất số 1073.

Có sơ đồ kèm theo.

2.1.6. Chia cho bà Nguyễn Thị Tất P đất có diện tích 2.953,4m^2 đất (Đất chuyên trồng lúa nước) tại thửa 1155, tờ bản đồ số 83, được ký hiệu tại vị trí số 2 trên Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 16-9-2025 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai khu vực VIII, tỉnh Đồng Tháp. Là một phần của thửa đất số 2121 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01446QSDĐ/1/115 ngày 01-7-1997 của Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp cho ông Nguyễn Văn C. Đất tại ấp C, xã M, tỉnh Đồng Tháp (Trước đây là ấp C, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang). Có tứ cận như sau:

+ Phía Đông giáp: Phần còn lại của thửa đất số 1155;

+ Phía Tây giáp: Phần còn lại của thửa đất số 1155; thửa đất số 1145;

+ Phía Nam giáp: Đường đất;

+ Phía Bắc giáp: Thửa đất số 1073.

Có sơ đồ kèm theo.

2.1.7. Chia cho bà Nguyễn Thị M các phần đất như sau:

- Phần đất có diện tích 1.373,2m^2 (Đất chuyên trồng lúa nước) là một phần của thửa đất 1192, tờ bản đồ số 83, được ký hiệu tại vị trí số 3 trên Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 16-9-2025 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai khu vực VIII, tỉnh Đồng Tháp. Là một phần của thửa đất số 2124 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01446QSDĐ/1/115 ngày 01-7-1997 của Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho ông Nguyễn Văn C. Đất tại ấp C, xã M, tỉnh Đồng Tháp (Trước đây là ấp C, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang). Phần đất có tứ cận như sau:

+ Phía Đông giáp: Thửa đất số 1257, 1152;

+ Phía Tây giáp: Phần còn lại của thửa 1192;

+ Phía Nam giáp: Đường đất;

+ Phía Bắc giáp: Phần còn lại của thửa 1192.

Có sơ đồ kèm theo.

- Phần đất có diện tích 1.583,4m^2 (Đất chuyên trồng lúa nước) thuộc một phần thửa 1155, tờ bản đồ số 83, được ký hiệu tại vị trí số 3 trên Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 16-9-2025 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai khu vực VIII, tỉnh Đồng Tháp. Là một phần của thửa đất số 2121 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01446QSDĐ/1/115 ngày 01-7-1997 của Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp cho ông Nguyễn Văn C. Đất tại ấp C, xã M, tỉnh Đồng Tháp (Trước đây là ấp C, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang). Có tứ cận như sau:

+ Phía Đông giáp: Phần còn lại của thửa đất số 1155;

+ Phía Tây giáp: Phần còn lại của thửa đất số 1155;

+ Phía Nam giáp: Đường đất;

+ Phía Bắc giáp: Thửa đất số 1073.

Có sơ đồ kèm theo.

2.2. Các đương sự được quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để đăng ký kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất đối với các phần đất mà mình được phân chia như đã nêu trên theo quy định của pháp luật.

2.3. Về án phí:

- Bà Nguyễn Thị M, bà Nguyễn Thị T1 và bà Nguyễn Thị T2 là người cao tuổi nên được cho miễn nộp án phí.

- Anh Nguyễn Văn K2 phải chịu án phí có giá ngạch trên giá trị tài sản được chia là 1.660.417.600 đồng, nên án phí phải nộp là 30.906.000 (Ba mươi triệu chín trăm lẻ sáu nghìn) đồng (Tính tròn). Anh K2 đã nộp 14.000.000 (Mười bốn triệu) đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002318 ngày 31-01-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang nên còn phải nộp tiếp 16.906.000 (Mười sáu triệu chín trăm lẻ sáu nghìn) đồng.

- Bà Nguyễn Thị T phải chịu án phí có giá ngạch trên giá trị tài sản được chia là 364.963.200 đồng, nên án phí phải nộp là 9.124.000 (Chín triệu một trăm hai mươi bốn nghìn) đồng (T4 tròn).

- Bà Nguyễn Thị Thu H2, anh Nguyễn Thế H, Nguyễn Thế V phải chịu án phí có giá ngạch trên giá trị tài sản được chia là 672.000.000 đồng, nên án phí phải nộp là 15.440.000 (Mười lăm triệu bốn trăm bốn mươi nghìn) đồng.

- Ông Nguyễn Văn M1 phải chịu án phí có giá ngạch trên giá trị tài sản được chia là 567.775.200 đồng, nên án phí phải nộp là 13.355.500 (Mười ba triệu ba trăm năm mươi lăm nghìn năm trăm) đồng (T4 tròn). Ông M1 đã nộp 11.000.000 (Mười một triệu) đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002316 ngày 29-01-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang nên còn phải nộp tiếp 2.355.500 (Hai triệu ba trăm năm mươi lăm nghìn) đồng.

2.4. Về chi phí tố tụng:

Bà Nguyễn Thị M, anh Nguyễn Văn K2, bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị T1, bà Nguyễn Thị T2, ông Nguyễn Văn M1 mỗi người phải chịu 2.200.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị Thu H2, anh Nguyễn Thế H, anh Nguyễn Thế V phải chịu chung là 2.644.000 đồng.

Bà M đã nộp tạm ứng 15.844.000 đồng, nên anh Nguyễn Văn K2, bà

Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị T1, bà Nguyễn Thị T2, ông Nguyễn Văn M1 mỗi người phải có nghĩa vụ trả lại cho bà M 2.200.000 (Hai triệu hai trăm nghìn) đồng; bà Nguyễn Thị Thu H2, anh Nguyễn Thế H, anh Nguyễn Thế V cùng có nghĩa vụ trả lại cho bà M số tiền 2.644.000 (Hai triệu sáu trăm bốn mươi bốn nghìn) đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND khu vực 4 – Đồng Tháp;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Anh Thực